

Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Ths. NGUYỄN THỊ MINH HẰNG

Từ năm 2003, thuế TNDN thống nhất mức thuế suất cho các công ty trong nước và công ty nước ngoài là 28%, và từ 1/1/2009 mức thuế suất giảm xuống còn 25%. Việt Nam đã áp dụng cách tiếp cận hiện đại trong việc xác định các chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế TNDN. Tài sản cố định có thể được khấu hao ở mức tương thích với vòng đời kinh tế của tài sản. Luật qui định thời hạn tối thiểu và tối đa để khấu hao tài sản cố định và các doanh nghiệp có thể vận dụng các qui định này một cách linh hoạt. Tùy thuộc vào từng loại tài sản mà các doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, khấu hao theo số dư giảm dần hoặc khấu hao theo số lượng sản phẩm.

Các doanh nghiệp thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng nếu đạt được hiệu suất kinh tế cao thể thực hiện khấu hao nhanh và không vượt quá hai lần so với mức khấu hao thông thường. Ngoài ra, để khuyến khích các hoạt động đầu tư phát triển khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, luật thuế TNDN cũng cho phép tính vào chi phí hợp lý các khoản chi liên quan đến đầu tư như; chi nghiên cứu khoa học, chi thường sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chi đào tạo cho người lao động. Từ 1/1/2009, Luật thuế TNDN sửa đổi cho phép hàng năm doanh nghiệp được trích tối đa 10% trên thu nhập tính thuế để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ như qui định tại điều 45 của Luật chuyển giao công nghệ nhằm tạo thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp chủ động đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới thiết bị.... Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh, Luật thuế TNDN sửa đổi từ 1/1/2009 mở rộng hơn một số khoản chi phí doanh nghiệp được phép tính trừ khi xác định thu nhập chịu thuế so với qui định về thuế TNDN tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP như: giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường; chi phí

quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong ba năm đầu kể từ khi thành lập được trừ tối đa là 15% trên tổng chi phí không bao gồm các khoản chi này (nghị định 24/2007/NĐ-CP khống chế tối đa 10%); chi tài trợ cho y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo nếu có hóa đơn chứng từ hợp pháp.

Bên cạnh đó, để khuyến khích các cơ sở kinh doanh đầu tư vào những ngành nghề, lĩnh vực Nhà nước khuyến khích đầu tư; khuyến khích đổi mới công nghệ, thiết bị nâng cao năng suất lao động, cũng như trợ giúp các cơ sở kinh doanh khi gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, Luật thuế TNDN được xây dựng với hệ thống ưu đãi thuế khá phức tạp. Các hình thức ưu đãi thuế TNDN chủ yếu được áp dụng là ưu đãi về thuế suất và ưu đãi miễn, giảm thuế.

Nghị định 24/2007/NĐ-CP qui định các ưu đãi thuế thuế TNDN dựa trên hai tiêu chí chính:

- Danh mục "các ngành được ưu đãi" và các "ngành được ưu đãi đặc biệt": Danh mục các lĩnh vực được ưu đãi bao gồm khoảng 53 lĩnh vực, nó cũng bao gồm cả các ngành sử dụng nhiều lao động từ 500 đến 5.000 lao động và tất cả các dự án đang hoạt động trong các khu công nghiệp. Danh mục

các lĩnh vực ưu đãi đặc biệt gồm khoảng 26 lĩnh vực, danh mục này cũng bao gồm tất cả các dự án sử dụng trên 5.000 lao động.

- Danh mục "Các vùng khó khăn về kinh tế- xã hội" và các vùng "Đặc biệt khó khăn về kinh tế- xã hội": Danh mục các vùng khó khăn về kinh tế- xã hội bao gồm cả các khu công nghiệp. Danh mục các vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế- xã hội bao gồm cả các khu kinh tế và khu công nghệ cao.

Theo Nghị định 24/2007/NĐ-CP, thuế TNDN có 3 mức thuế suất ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập: thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm; thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm và thuế suất 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nghị định 24/2007/NĐ-CP cũng qui định các đối tượng được ưu đãi miễn, giảm thuế. Thời gian miễn thuế TNDN từ 1 đến 4 năm đầu hoạt động và thời gian giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ 2 đến 9 năm tiếp theo trong trường hợp: doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư; cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm kinh doanh ra khỏi đô thị theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; cơ sở kinh doanh đang hoạt động có đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng qui mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường

sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất. Phạm vi của các hình thức ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN phụ thuộc vào sự phối hợp giữa lĩnh vực và địa bàn triển khai dự án.

Từ 1/1/2009, các hình thức ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn giảm thuế TNDN có sự thay đổi. Theo Luật thuế TNDN sửa đổi, ưu đãi thuế suất đối với các doanh nghiệp mới thành lập còn 2 mức: 10% trong thời hạn 15 năm, thuế suất 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi có doanh thu; ưu đãi thuế suất của Luật thuế TNDN sửa đổi 2009 đã thu hẹp diện các doanh nghiệp mới thành lập được hưởng ưu đãi, gồm: doanh nghiệp mới thành lập trong khu công nghiệp và một số ngành thuộc Danh mục lĩnh vực, ngành nghề ưu đãi đầu tư qui định tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP; ưu đãi miễn, giảm thuế của Luật thuế TNDN sửa đổi 2009 vẫn áp dụng mức tối đa miễn 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo, nhưng thu hẹp danh mục địa bàn và ngành nghề ưu đãi, chỉ ưu tiên ngành nghề đặc biệt khuyến khích đầu tư và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Luật thuế TNDN sửa đổi 2009 đã bỏ ưu đãi về thời gian miễn giảm thuế đối với doanh nghiệp mới thành lập trong khu công nghiệp và một số ngành thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư qui định tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP; doanh nghiệp di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo qui hoạch được duyệt; dự án đầu tư mở rộng. Ngoài ra, Luật thuế TNDN sửa đổi còn bổ sung không áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với: thu nhập khác, thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm, thu nhập từ trò chơi có thưởng, cá cược và một số trường hợp khác theo qui định của Chính phủ. Như vậy, thuế TNDN từ 1/1/2009 đã thu hẹp khá nhiều diện ưu đãi so với Nghị định 24/2007/NĐ-CP.

Chính sách thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng hướng tới thúc đẩy cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và thu hút đầu tư

trực tiếp nước ngoài thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện thông qua bức tranh sáng của tình hình thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, cũng như kết quả số thu về thuế từ các lĩnh vực kinh tế chủ chốt. Theo số liệu của Bộ kế hoạch và đầu tư, kết thúc năm 2008, có tổng số 1.171 dự án FDI được cấp mới vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký đạt hơn 60,2 tỷ USD, tăng 222% so với năm 2007. Dòng vốn FDI vào Việt Nam trong vài năm lại đây không chỉ thay đổi về lượng (vốn đầu tư) mà cả về chất (chiều sâu đầu tư) thông qua sự có mặt của các tập đoàn nổi tiếng như Intel, compal, Foxconn... Qua kết quả thu hút FDI năm 2008 cho thấy, vốn đăng ký cấp mới chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng với 537 dự án có tổng vốn đăng ký 32,5 tỷ USD (chiếm 53,7% về số dự án và 55,7% tổng vốn đầu tư đăng ký), lĩnh vực dịch vụ có 480 dự án với tổng vốn đăng ký 26,2 tỷ USD (chiếm 42% số dự án và 43,9%

Các số liệu trên cho thấy, môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng và các chính sách ưu đãi của nhà nước trong đó có ưu đãi thuế đã tác động tới hoạt động đầu tư trong nền kinh tế. Cùng với sự gia tăng của vốn đầu tư, tỷ trọng thu thuế đối với các doanh nghiệp FDI gia tăng qua các năm đã chứng tỏ: ở một chừng mực nào đó, ưu đãi thuế của nhà nước đối với hoạt động đầu tư đã có tác dụng kích thích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên các qui định ưu đãi thuế TNDN hiện hành còn bộc lộ một số hạn chế:

- Ưu đãi thuế TNDN còn khá phức tạp, chưa thật rõ ràng, minh bạch gây khó khăn cho việc áp dụng và quản lý. Cụ thể:

Việt Nam đã triển khai một cơ cấu ưu đãi thuế khá phức tạp nhằm thu hút tối đa các dòng vốn FDI vào một số lĩnh vực và vùng địa lý được ưu tiên. Cấu trúc ưu đãi thuế này cho thấy các doanh nghiệp sẽ trải qua từng bước thuế TNDN theo từng dự án mà họ

Tỷ trọng (%) số thu thuế GTGT, TNDN từ các lĩnh vực kinh tế chủ chốt tính trên tổng thu nội địa trừ đầu

	2005	2006	2007	2008
Khu vực NN	32,87	33,16	35,09	31,18
Khu vực đầu tư NN	17,83	17,98	18,43	19,72
Khu vực NQD	14,61	15,98	16,65	19,67

(Nguồn: Báo cáo tổng kết Tổng Cục thuế)

về vốn đầu tư đăng ký), số còn lại thuộc lĩnh vực nông- lâm- ngư nghiệp (Nguồn: Số liệu Bộ kế hoạch và đầu tư). Bên cạnh đó, cơ cấu đầu tư đã chuyển dịch dần sang lĩnh vực dịch vụ bất động sản, cảng biển. Điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng khu vực dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm... thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế trong tương lai. Theo đánh giá của Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam 2008 tổ chức 1/12/2008 tại Hà Nội, khu vực FDI hiện đóng góp hơn 40% sản lượng công nghiệp, gần 60% tổng giá trị xuất khẩu, 20% lực lượng sản xuất và hơn 35% nguồn thu thuế.

tiến hành. Mặc dù Tổng Cục thuế tỏ ra có khả năng quản lý các hình thức ưu đãi thuế này nhưng cấu trúc phức tạp của nó đặt ra nhiều gánh nặng hành chính cho các nhà đầu tư và cơ quan quản lý thuế và hiện nay chưa có các đánh giá đúng mức độ hiệu quả của các ưu đãi thuế nhằm thực hiện hai mục tiêu chính: thúc đẩy đầu tư nói chung và định hướng đầu tư vào các lĩnh vực và các vùng được ưu tiên.

Thông thường, có nhiều qui tắc khấu hao được các quốc gia sử dụng để thu hút đầu tư và Việt Nam không phải là trường hợp ngoại lệ. Tuy nhiên, các nguyên tắc khấu hao hiện hành khá rắc

rối với 48 loại tài sản cố định và có thời gian sử dụng qui định khác nhau. Điều này làm tăng chi phí quản lý của cơ quan thuế và tăng chi phí của đối tượng nộp thuế. Ngoài ra, qui định hiện hành còn cho phép một số tài sản được phép khấu hao nhanh không quá hai lần mức khấu hao theo đường thẳng với điều kiện doanh nghiệp có "hiệu quả kinh tế cao". Sự không rõ ràng trong qui định "hiệu quả kinh tế cao" đã khiến cho qui tắc này có thể bị diễn giải theo hướng chủ quan và thiếu minh bạch trong việc áp dụng.

Thuế TNDN ở Việt Nam cho phép áp dụng các hình thức ưu đãi miễn, giảm thuế khi doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh đa dạng với nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Do đó, việc hạch toán, xác định chính xác thu nhập được miễn, giảm thuế do đầu tư vào lĩnh vực, ngành nghề ưu đãi đầu tư cũng không phải là vấn đề đơn giản đối với doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

Ưu đãi thuế TNDN chưa đủ mạnh để khuyến khích các nhà đầu tư vào lĩnh vực, địa bàn mà nhà nước khuyến khích đầu tư.

Ưu đãi thuế TNDN mặc dù đã được sửa đổi theo hướng đơn giản và có trọng tâm nhằm vào một số lĩnh vực khuyến khích đầu tư, các địa bàn kinh tế xã - hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nhưng mức độ ưu đãi chưa đủ mạnh để khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vào những lĩnh vực, ngành nghề mà nhà nước khuyến khích đầu tư. Thực tế, những năm qua cho thấy những dự án đầu tư vào những địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc những dự án thuộc Danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư rất hạn chế.

Chính sách thuế nói chung và chính sách ưu đãi thuế TNDN nói riêng mang tính ổn định chưa cao, do đó, ảnh hưởng tiêu cực tới tâm lý các nhà đầu tư.

Chính sách thuế phải sửa đổi, bổ sung kịp thời nhằm bám sát sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ

sung hay thay thế cần phải được công khai trước khi áp dụng một khoảng thời gian nhất định để các doanh nghiệp có kế hoạch điều chỉnh sản xuất kinh doanh. Thời gian qua, chính sách thuế nói chung và chính sách ưu đãi thuế TNDN nói riêng của Việt Nam thường xuyên thay đổi. Chẳng hạn, việc sửa đổi danh mục vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn ban hành kèm theo Nghị định 124/2008/NĐ-CP đã thu hẹp các đối tượng thuộc diện ưu đãi thuế TNDN so với Nghị định 24/2007/NĐ-CP. Sự sửa đổi này diễn ra trong khoảng thời gian 2 năm đã gây những khó khăn nhất định cho các nhà đầu tư khi hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư của mình.

Để hoàn thiện các ưu đãi thuế TNDN theo mục tiêu khuyến khích đầu tư nói chung và định hướng đầu tư vào các lĩnh vực và địa bàn được chính phủ ưu tiên cần cần nhắc các vấn đề sau:

Tiến hành đánh giá toàn diện tính hiệu quả của các ưu đãi thuế TNDN trên cơ sở phân tích chi phí-lợi ích toàn diện của hệ thống ưu đãi thuế và mức độ ảnh hưởng của các ưu đãi này đối với hoạt động đầu tư.

Đánh giá tính hiệu quả của các ưu đãi thuế đối với kênh đầu tư trong các lĩnh vực hoặc các khu vực mong muốn là một nhiệm vụ phức tạp. Tuy nhiên, trong dài hạn, chính phủ cần thực hiện các đánh giá này vì các chi phí của các ưu đãi phi hiệu quả có thể rất cao do: một số ưu đãi thuế có thể là không cần thiết, gánh nặng hành chính quá lớn đối với cơ quan thuế, tạo cơ hội trốn thuế và gian lận thuế. Ngoài ra, hệ thống ưu đãi tập trung vào các doanh nghiệp trong thời gian đầu mới hoạt động có thể gây ra việc sử dụng không đúng các nguồn lực khan hiếm vì các ưu tiên mà chính phủ lựa chọn có thể không phù hợp với lợi thế so sánh của quốc gia.

Triển khai một cơ chế thuế chung có tính cạnh tranh khu vực và quốc tế

Trong điều kiện hội nhập kinh tế

quốc tế, cạnh tranh giữa các nước trên thế giới và trong khu vực đối với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trở nên gay gắt, đòi hỏi hệ thống thuế nói chung và chính sách thuế TNDN nói riêng phải ngày càng minh bạch và tương đồng hoặc cạnh tranh hơn so với các nước trong khu vực. Vì vậy, về lâu dài có thể cân nhắc việc tiếp tục hạ thấp mức thuế suất thuế TNDN để thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, các khoản chi phí được trừ cần qui định rõ ràng và minh bạch hơn, ví dụ như:

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực tiễn hiện nay cho thấy, việc chia tài sản cố định thành 48 tiểu nhóm là quá cồng kềnh đối với cả đối tượng nộp thuế và cơ quan quản lý thuế. Để đơn giản và thuận lợi cho việc trích khấu hao của các doanh nghiệp, tất cả các tài sản đều có thể được xếp vào 4-5 nhóm, rồi sau đó khấu hao chúng bằng phương pháp tuyến tính, hoặc khấu hao giảm dần phù hợp với từng loại tài sản. Qui định về khấu hao cần đơn giản hóa để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, có thể cho tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế được khấu hao nhanh để thu hồi vốn đầu tư, mức khấu hao nhanh vẫn được kiểm soát thông qua mức khống chế tối đa.

+ Tiến lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp trả cho người lao động, các chi phí ăn trưa các theo thông lệ quốc tế đều là các khoản được khấu trừ trước khi đánh thuế TNDN. Luật thuế TNDN hiện hành cho phép khấu trừ đối với khoản tiền thưởng mang tính chất lương, tuy nhiên việc tính và xác định các khoản thu nhập này như thế nào thì không được qui định cụ thể trong luật thuế gây ra sự tùy tiện trong vận dụng. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp cũng như công tác quản lý, cần qui định cụ thể hơn các khoản thu nhập mang tính chất tiền lương được tính trừ và cách xác định.

+ Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại... là một bộ phận chi phí kinh doanh cần thiết đối với doanh nghiệp trong nền

kinh tế thị trường. Theo luật thuế TNDN, chi phí này hiện bị khống chế tối đa. Việc khống chế như vậy là không phù hợp trong điều kiện kinh tế thị trường và sự cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài với các nước trong khu vực. Trong thời gian qua, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã liên tục kiến nghị, đề nghị bỏ mức khống chế các chi phí này vì sẽ làm họ mất đi cơ hội tiêu thụ hàng hoá, mở rộng thị trường, nhất là đối với các sản phẩm, dịch vụ mới. Trong điều kiện quản lý của Việt Nam hiện nay, việc xoá bỏ toàn bộ khống chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại... đối với các doanh nghiệp là điều khó khả thi vì tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên về lâu dài, cần xoá bỏ việc khống chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại bằng tỷ lệ cố định mà thay bằng việc qui định danh mục, nội dung cụ thể từng khoản chi được phép tính vào chi phí hợp lý và quản lý chặt chẽ hóa đơn chứng từ qua ngân hàng.

Hợp lý hóa hệ thống ưu đãi hiện hành. Các ưu đãi thuế phải phục vụ cho một số ít các mục tiêu cụ thể hơn và tính hiệu quả của chúng phải đo lường thông qua phân tích chi phí - lợi ích.


+ Hình thức ưu đãi miễn, giảm thuế theo qui định hiện hành chủ

yếu được thực hiện cho các doanh nghiệp thời gian đầu mới thành lập. Qui định này có nhược điểm là dễ bị nhà đầu tư lợi dụng để trốn thuế gây thất thu cho ngân sách. Nhiều công ty đã biến mất vào cuối thời gian được hưởng ưu đãi thuế, rồi sau đó lại xuất hiện với tư cách là một doanh nghiệp mới để tiếp tục hưởng ưu đãi thuế. Ngoài ra, hình thức ưu đãi này không thúc đẩy các nhà đầu tư rút ngắn thời gian lỗ vì họ tìm cách phân bổ chi phí để dồn thu nhập vào năm được hưởng miễn, giảm thuế. Để ngăn chặn những gian lận trên, có thể nghiên cứu điều chỉnh thời điểm bắt đầu tính thời kỳ miễn, giảm thuế là thời điểm dự án bắt đầu đi vào hoạt động nhằm hạn chế được sự chuyển giá vào tài sản đầu tư kéo dài thời gian miễn thuế. Ngoài ra, cần phải ràng buộc những dự án được hưởng ưu đãi này phải có thời gian đầu tư có độ dài đủ để đảm bảo các dự án không dừng hoạt động trong thời kỳ miễn thuế, và có các hướng dẫn cụ thể hạch toán, phân bổ chi phí đầu tư.

+ Đối với ngành nghề, vùng ưu đãi đầu tư: cần thu hẹp trong các lĩnh vực chiến lược, các ngành ưu đãi theo định hướng của nhà nước như: các ngành công nghệ cao (tin học, vi sinh, công nghệ sinh học, vật liệu mới), sản phẩm công nghiệp trọng điểm, trồng rừng, bảo vệ

môi trường... chuyển các ưu đãi có tính chất xã hội (thu hút nhiều lao động, lao động nữ...) sang ưu đãi bằng các biện pháp tài chính khác để đảm bảo tính trung lập trong chính sách thuế. Việc thu hẹp các lĩnh vực ưu đãi có thể đi cùng với gia tăng mức độ ưu đãi đối với các ưu đãi vùng nhằm tăng tính hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Để khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư, đổi mới công nghệ, bên cạnh hình thức khấu hao nhanh có thể nghiên cứu áp dụng thêm một số các hình thức ưu đãi đầu tư khác mà các nước thường áp dụng, chẳng hạn như: trợ cấp đầu tư (qui định tỷ lệ % nhất định của chi phí ban đầu cho đầu tư vào nhà xưởng, thiết bị được giảm trừ vào lợi nhuận chịu thuế ngoài tỷ lệ khấu hao thông thường trên toàn bộ giá vốn của khoản đầu tư đó), hoặc hình thức khấu trừ thuế đối với đầu tư (qui định tỷ lệ chi phí đầu tư được trừ vào nghĩa vụ thuế thu nhập công ty). Đối với các hình thức ưu đãi này cần có các điều khoản phòng ngừa để giảm thiểu tình trạng doanh nghiệp lợi dụng như: qui định thời gian tối thiểu sử dụng tài sản được hưởng ưu đãi, nếu thời gian sử dụng thực tế ít hơn thì doanh nghiệp buộc phải hoàn trả phần ưu đãi đã hưởng./.

Cười một tí 

Bỏ người nào?

Một tạp chí của Mỹ mở một cuộc thi trả lời câu hỏi.

Câu hỏi họ đưa ra là: Có 4 người, một kĩ sư, một bác sĩ, một vận động viên và một họa hậu cùng trên một khinh khí cầu, nếu như khinh khí cầu đó bị hỏng cần bỏ đi một người để có thể bay tiếp thì cần bỏ ai?

Giải nhất đã được trao cho một em bé 6 tuổi với câu trả lời: Cần bỏ người nặng nhất trong số đó.